TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 5 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Kiên Nhẫn.

2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Hồng Vân E, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã L1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã L1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Hồng Vân E trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, ông và bà Nguyễn Thị H tổ chức lễ cưới năm 1990, đăng ký kết hôn ngày 24/8/2000 tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 29 năm, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà H thường xuyên bỏ nhà đi chơi, không quan tâm chăm lo cuộc sống hàng ngày của gia đình, khi ông khuyên ngăn thì bà H cự cãi, dẫn đến mất hạnh phúc. Nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian dài sống ly

thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Ông và bà H có với nhau 03 người con chung tên Trần Thị Bé L2, sinh năm 1992, Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1995, Trần Văn Q, sinh năm 2004 đều đã thành niên, không ai bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, đã tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông E và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà H theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Ông E, bà H là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống không điều hòa được dẫn đến mất hạnh phúc. Ông E, bà H có thời gian dài sống ly thân từ tháng 02/219 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông E xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của ông E. Căn cứ vào lời trình bày của ông E và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa ông E và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản

1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa ông E và bà H.

[2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Xét chị L2, chị N, anh Q tất cả đã thành niên, không ai bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, đều đã tự lao động nuôi sống bản thân nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Xét ông E, bà H không ai có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết ông E phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Hồng Vân E và bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Do các con chung gồm chị Trần Thị Bé L2, chị Trần Thị Mỹ N, anh Trần Văn Q đều đã thành niên, không ai bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, đã tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Hồng Vân E phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí ông E đã nộp theo biên lai thu số No 0011246 ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt ông Trần Hồng Vân E, vắng mặt bà Nguyễn Thị H. Báo cho ông E có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà H vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã L1: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.